UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 411 /SNN-CCKL

V/v góp ý Dự thảo Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng;
- Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh (để đăng tải).

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT, ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT, ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp;

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Công văn số 356/UBND-KT, ngày 22/02/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc đồng ý chủ trương xây dựng Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã Dự thảo Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trên cơ sở dự toán chi phí trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng phòng hộ, đặc dụng áp dụng cho trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1. Mật độ trồng rừng thay thế: 2.000 cây/ha; Loài cây: Cây Quế (mật độ trồng rừng được tính theo Quyết định số 14/QĐ-BNN-TCLN, ngày 05/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

2. Định mức chi phí cho 01 ha trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế (bao gồm 5 năm trồng và chăm sóc rừng, bảo vệ rừng trồng), xây dựng theo quy định tại Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT, ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp cụ thể:

- Chi phí vật tư bao gồm: Cây giống theo đơn giá cây giống trồng rừng (*Giá cây giống tính theo Chứng thư thẩm định giá cây giống tại thời điểm xây dựng*);

Phân bón NPK (*Giá phân bón tính theo Chứng thư thẩm định giá phân bón tại thời điểm xây dựng*).

- Chi phí nhân công lao động:

+ Lao động trực tiếp bao gồm: Chi phí nhân công trồng rừng, chăm sóc rừng năm 1; chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2; năm 3; Bảo vệ rừng từ năm thứ 4 đến năm thứ 5.

+ Chi phí lao động gián tiếp bao gồm: Lao động quản lý, giám sát, chỉ đạo kỹ thuật, nghiệm thu trồng rừng, chăm sóc rừng năm 1; chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2; năm 3; Bảo vệ rừng từ năm thứ 4 đến năm thứ 5 được tính bằng 10% chi phí lao động trực tiếp.

(Có biểu Dự toán chi phí cho 01 ha trồng, chăm sóc, bảo vệ trồng rừng phòng hộ, đặc dụng kèm theo).

Để có cơ sở trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Quyết định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các cơ quan, đơn vị đóng góp ý kiến vào Dự thảo Quyết định.

Gửi kèm công văn này:

1) Dự thảo Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh.

2) Dự thảo Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Các ý kiến góp ý bằng văn bản, gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Cao Bằng **trước ngày 15 tháng 3 năm 2024,** để Sở Nông nghiệp và PTNT hoàn thiện Dự thảo trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc, các Phó GĐ;
- VP Sở NNPTNT;
- Phòng KHTC;
- Lưu VT, CCKL.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH CAO BẰNG

Nguyễn Thái Hà

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ GÓP Ý

(Kèm theo Công văn số /SNN-CCKL, ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
I	**Các Sở, Ban, ngành**	
1	Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng	
2	Sở Tài Chính	
3	Sở Tư Pháp	
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
5	Sở Giao thông vận tải	
6	Sở Công thương	
7	Sở Xây dựng	
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	
9	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng các công trình giao thông tỉnh Cao Bằng	
II	**Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố Cao Bằng**	**10 đơn vị**